

Bản án số: 77/2025/DS-PT

Ngày: 10/02/2025

*Về việc tranh chấp về thừa kế
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Phạm Thị Thu T5

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến PH2 - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 548/2024/TLPT-DS ngày 14/11/2024 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2024/DS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5188/2024/QĐXXPT-DS ngày 23/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2025/QĐ-PT ngày 17/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông U, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Số 200/AH, ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá K, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: số 26 Dương Tự Quán, phường A2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoặc: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: số 311 Điện Biên Phủ, phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Võ Thị U1, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 155/AH, ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1989
(có mặt)

Địa chỉ: Số 155/AH, ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Văn L,
thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt)

Địa chỉ: 196 Hùng Vương, phường A4, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1947
2. Bà Võ Thị V, sinh năm 1971
3. Ông Võ Văn H, sinh năm 1972
4. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1974
5. Ông Võ Văn T, sinh năm 1965
6. Anh Võ Văn M, sinh năm 1982
7. Chị Võ Thị Hồng N, sinh năm 1997
8. Bà Võ Thị Bé T1, sinh năm 1972
9. Bà Võ Thị Bé T2, sinh năm 1977
10. Ông Võ Văn B, sinh năm 1978
11. Anh Võ Thanh T3, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

12. Ông Võ Văn H1, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp TM, xã TL, huyện ĐP, tỉnh B Phước.

13. Ông Võ Văn T4, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp 12, xã Xuân T4, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

14. Ông Võ Thanh P, sinh năm 1978
15. Bà Võ Thị H2, sinh năm 1979
16. Anh Võ Văn S, sinh năm 1980
17. Chị Võ Minh T5, sinh năm 1983
18. Chị Võ Thị Trúc L, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: ấp PX, xã PĐ, huyện C, tỉnh Bến Tre.

19. Bà Võ Thị Thu T6, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp 8, xã AD, huyện B, tỉnh Bến Tre.

20. Bà Võ Thị Mỹ T7, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 21J tổ 5, khu phố 5, phường Tân Thuận T4, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

21. Bà Võ Thị Thu N3, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông Đ, bà V, ông H, bà H1, ông T, anh M, chị N, bà T1, bà T2, ông B, anh T3, ông H1, ông T4, ông P, bà H2, anh S, chị T5, chị L, bà T6, bà T7, bà N3 cùng uỷ quyền cho ông U tham gia tố tụng.

22. Anh Lê Văn C, sinh năm 1989

23. Anh Lê Văn C Em, sinh năm 1990 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 155/AH, ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

24. Chị Đào Kim PH2, sinh năm 1982

Địa chỉ: số 122D, ấp 4, xã NT, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Chị Đào Kim PH2 uỷ quyền cho anh Lê Văn C tham gia tố tụng.

25. Ông Võ Văn T8, sinh năm 1959

Địa chỉ: thôn 10C, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Võ Văn T8 uỷ quyền cho anh Lê Văn C Em tham gia tố tụng.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Võ Thị U1.

- **Người làm chứng do bị đơn triệu tập:**

1. Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: 348/AH, ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Thành T9, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: 432/GQ, ấp G, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/5/2020, trong quá trình tố tụng và các biên bản H2 giải, ông Nguyễn Bá K (là đại diện theo uỷ quyền của ông U) trình bày:

Đất thửa số 02, 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã A1, huyện B đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn Đ3 vào ngày 29/8/1997. Thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 diện tích 2.320m² có nguồn gốc của cha mẹ ông Võ Văn Đ3 là ông Võ Văn H3 để lại cho cha mẹ ông Út khi cha mẹ ông Út (ông Đ3, bà Phạm Thị P3) cưới nhau. Còn thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 có nguồn gốc của ông bà ngoại ông Út là ông Võ Văn Leo để lại rồi ông Đ3 đưa vào tập đoàn sản xuất, được tập đoàn sản xuất cấp lại cho hộ ông Đ3 vào năm 1990 theo diện B quân nhân khẩu, mỗi nhân khẩu được cấp 1.300m², thời điểm cấp hộ ông Đ3 có 05 nhân khẩu là ông Đ3, bà Lê Thị L3, bà Võ Thị U1, chị Đào Kim PH2, anh Lê Văn C. Năm 1958, bà Phạm Thị P3 chết, đến năm 1960 ông Đ3 sống chung với bà Lê Thị L3 có 01 người con chung là Võ Thị U1; còn cha mẹ ông Út (ông Đ3, bà P3) có 06 người con là Võ Văn B, Võ Văn B1, Võ Văn B2, Võ Văn Đ (Đ Anh), Võ Văn Đ (Đ Em) và U. Ngày 08/12/1997, ông Đ3 chết không để lại di sản nhưng bà Võ Thị U1 đã tự ý kê khai rồi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 03 thửa đất nêu trên vào ngày 01/10/2001. Ông Út đã khiếu nại đến cơ quan hành chính đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Út và được Ủy ban nhân dân huyện B ban hành các quyết định số 2896 ngày 31/12/2013, số 709 ngày 28/3/2015 hủy, thu hồi việc cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất thửa 229, 412, 02 nhưng lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 cho bà Út vào năm 2015. Nay ông Út yêu cầu bà Võ Thị U1 cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Kim PH2, Lê Văn C, Lê Văn C Em phải chia thừa kế thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 có diện tích qua đo đạc thực tế là 2485.2m²; diện tích đất định suất của ông Đ3 tại thửa số 229, 412 là 1300m² cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ3 gồm 07 người. Riêng diện tích đất 2485.2m² là tài sản chung của ông Đ3 với bà P3 nên yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 1242.6m² là di sản của bà Phạm Thị P3 để lại được chia đều cho 07 người là Võ Văn Đ3, Võ Văn B, Võ Văn B1, Võ Văn B2, Võ Văn Đ (Đ Anh), Võ Văn Đ (Đ Em) và U. Suất thừa kế của ông Đ3 được nhập vào khối tài sản chung của ông Đ3 còn lại và yêu cầu chia cho 07 người là Võ Văn B, Võ Văn B1, Võ Văn B2, Võ Văn Đ (Đ Anh), Võ Văn Đ (Đ Em), U và bà Võ Thị U1. Đồng thời, ông Út cũng yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đ3 là căn nhà, tủ thờ, ghế chữ c, bộ ván gỗ, giường T4, hồ chứa nước cũng theo quy định pháp luật. Do ông Võ Văn B đã chết (chết trước ông Đ3) nên thừa kế thế vị của ông B là Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N được hưởng; ông Võ Văn B1 đã chết (chết sau ông Đ3) nên hàng thừa kế thứ nhất của ông B1 là Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L được hưởng; do ông Võ Văn B2 đã chết (chết trước ông Đ3) nên thừa kế thế vị của ông B2 là Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1 được hưởng; do ông Võ Văn Đ (Đ Em) đã chết (chết sau ông Đ3) nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ là Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3 được hưởng.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và các biên bản H2 giải, anh Lê Văn C Em (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của chị Đào Kim PH2, anh Lê Văn C, ông Võ Văn T8, bà Võ Thị U1) trình bày:

Đất thửa 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 có nguồn gốc của tập đoàn sản xuất cấp cho hộ gia đình ông Đ3 vào năm 1990 nhưng anh C Em cũng sinh vào năm 1990 nên anh cũng được cấp đất định suất. Còn thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 có nguồn gốc của bà Lê Thị L3 mua của ông KP chứ không phải có nguồn gốc của cha mẹ ông Đ3 để lại. Việc bà Út bị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp lại cho hộ bà Út vào năm 2015 là đúng trình tự quy định của pháp luật. Đồng thời, di sản của ông Đ3 để lại tại thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 diện tích 1300m² hiện nay đã không còn thời hiệu khởi kiện thừa kế nên anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Út và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Trong quá trình tố tụng cũng như các biên bản H2 giải, ông U (là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ (Đ Anh), Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Văn T, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ

Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3) trình bày:

Ông có cùng ý kiến và lời trình bày của ông Nguyễn Bá K là yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của ông Đ3, bà P3 để lại là thửa đất số 229, 412, 02 cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc xã A1 cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ3, bà P3 và những người có yêu cầu độc lập thống nhất nhận chung với ông Út và để lại toàn bộ cho ông Út được hưởng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2024/DSST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U và chấp nhận yêu cầu độc lập của Võ Văn Đ (Đ Anh), Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Văn T, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3.

Chia thừa kế di sản của ông Võ Văn Đ3, bà Phạm Thị P3 để lại là phần đất thừa số 02 tờ bản đồ số 10 diện tích qua đo đạc thực tế 2485.2m²; thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 diện tích qua đo đạc thực tế 1139.3m² tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre theo pháp luật cho ông U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ, bà Võ Thị U1, cụ thể như sau:

Bà Võ Thị U1 được hưởng diện tích đất 1062.1m² (phần 1 họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 16/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B điều chỉnh diện tích đất 1062.1m² (phần 1 họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 từ hộ bà Võ Thị U1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S cho bà Võ Thị U1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ được hưởng chung diện tích đất 1423.1m² (phần 2, 3, 4 họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ

số 10 và diện tích đất 1139.3m² (phần 5, 6 họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 16/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B điều chỉnh diện tích đất 1423.1m² (phần 2, 3, 4 họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 từ hộ bà Võ Thị U1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S cho ông U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 1139.3m² (phần 5, 6 họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 16/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

Ông U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ được quyền sở hữu 01 căn nhà hiện bà Út, anh C Em đang quản lý sử dụng nằm trên đất (vị trí số 2, 3, 4 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Buộc bà Võ Thị U1 có nghĩa vụ trả lại cho ông U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ giá trị bằng tiền đối với diện tích đất chênh lệch 859.23m² ở thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 là 1.718.460.000đ (một tỷ, bảy trăm mười tám triệu, B trăm sáu mươi ngàn đồng).

Buộc ông U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà Út giá trị đất chênh lệch 25.04m² ở thửa 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 là 10.016.000đ (mười triệu, không trăm mười sáu ngàn đồng) và giá trị căn nhà nằm trên đất (vị trí số 2, 3, 4 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ số

10 là 1.335.030.000đ (một tỷ, ba trăm ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng); tổng cộng là 1.345.046.000đ (một tỷ, ba trăm B mươi lăm triệu, không trăm B mươi sáu ngàn đồng).

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông U và yêu cầu độc lập của Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ (Đ Anh) về việc yêu cầu bà Võ Thị U1 phải chia thừa kế di sản của ông Võ Văn Đ3 là 01 căn nhà, 01 tủ thờ, 01 ghế chữ c, 01 bộ ván gỗ đỏ, 02 cái giường T4, 01 hồ chứa nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2024, bị đơn bà Võ Thị U1 kháng cáo. Theo đơn kháng cáo, bà Út cho rằng bản án sơ thẩm xác định sai nguồn gốc đất, thực hiện phân chia thừa kế không đúng, không công nhận phần cải T8 đất và công sức đóng góp của bị đơn, không công nhận ông Võ Văn T8 là con nuôi của ông Võ Văn Đ3 và các yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, bà Út yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, bác yêu cầu chia thừa kế của ông U, công nhận ông Võ Văn T8 là con nuôi của ông Võ Văn Đ3 và chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Võ Thị U1 là anh Lê Văn C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là luật sư Lê Văn L trình bày: Tòa sơ thẩm xác định thừa đất số 02, 229, 412 tờ bản đồ số 10 là di sản thừa kế của ông Đ3, bà P3, chia cho 7 người con (6 con dòng 1, và bà Út), bản án sơ thẩm giao bà Út 1061,2m² nhưng lại buộc bà Út trả giá trị chênh lệch 859m², lẽ ra mỗi người 52m² M đúng, còn bà Út chỉ có 202m² là thiệt thòi cho bà Út vì ông Đ3 có 2 đời vợ, bà P3 chết 1958, năm 1960 ông Đ3 cưới bà L3. Hồ sơ vụ án thể hiện đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 23/3/1996 do ông Đ3 và bà L3 kê khai đăng ký chứ không có bà P3 kê khai đăng ký. Năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện B cấp 3 thửa đất trên cho ông Đ3. Hộ ông Đ3 thời điểm đó gồm: ông Đ3, bà L3, bà Út, anh C, anh C Em, chị PH2. Sau khi ông Đ3, bà L3 chết; bà Út trực tiếp canh tác và kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất vào năm 2001. Sau đó bị thu hồi, đến năm 2014 cấp 2 sổ, năm 2015 cấp 1 sổ thửa 02. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định 3 thửa đất nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đ3 bà L3 chứ không phải của ông Đ3 bà P3. Tòa sơ thẩm không chia thừa kế cho bà L3 là trái quy định pháp luật. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Út, hủy bản án sơ thẩm, chuyển về tòa sơ thẩm giải quyết lại.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông U là ông Nguyễn Bá K

không đồng ý với nội dung đơn kháng cáo của bà Út; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C Em đồng ý với nội dung đơn kháng cáo của bà Út.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị U1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn bà Võ Thị U1 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Ông U khởi kiện và các ông bà Võ Văn Đ, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Văn T, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3 có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Võ Văn Đ3, bà Phạm Thị P3 để lại là phần đất thửa số 02, tờ bản đồ số 10, diện tích qua đo đạc thực tế 2485.2m²; thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10, diện tích qua đo đạc thực tế 1139.3m² (phần 5+6 của họa đồ) tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ3, bà P3 theo quy định pháp luật.

[2.1] Về nguồn gốc đất: Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn cho rằng thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 có nguồn gốc của bà Lê Thị L3 mua của ông KP nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; chỉ có xác nhận của ông Phạm Văn Dương và ông Nguyễn Thành Tâm cho rằng bà L3 mua của ông KP (Nguyễn Vĩnh Phụng) vào năm 1968; tuy nhiên ông Dương gọi bà L3 bằng Thím dâu nên xác nhận của ông Dương là không khách quan, không đủ cơ sở xem xét. Hơn nữa, đơn đăng ký quyền sử dụng đất của bà Út đề ngày 04/5/2015, Tờ trình số 158 ngày 28/7/2015, Tờ trình số 173 ngày 14/5/2015 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã A1 đều thể hiện đất có nguồn gốc của nhà nước cấp. Như vậy, lời trình bày của bị đơn, những chứng cứ nêu trên và tờ trình của UBND xã A1 đã mâu thuẫn về nguồn gốc đất. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 03/5/2024 của Tòa án thể hiện thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 có nguồn gốc

của cha mẹ ông Đ3 để lại cho ông Đ3 và bà Phạm Thị P3 khi cưới nhau. Sau khi cưới ông Đ3, bà P3 đã về phần đất này để quản lý sử dụng cất nhà để ở, đến năm 1958 bà P3 M chết, đến năm 1960 bà L3 M về sống với ông Đ3. Do đó, có cơ sở xác định thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 được T8 lập khi ông Đ3, bà P3 sống với nhau nên được xem là tài sản chung của ông Đ3, bà Phạm Thị P3 và đến năm 1997 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ3. Đồng thời, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 24/8/2022 của Tòa án thì thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 có nguồn gốc của gia đình ông Đ3 đưa vào tập đoàn sản xuất sau đó được tập đoàn sản xuất cấp lại cho hộ ông Đ3 vào năm 1990, thời điểm cấp mỗi nhân khẩu được cấp 1300m² trong đó có ông Đ3 nên diện T1ch đất cấp định suất 1300m² thửa đất số 229, 412 và diện T1ch đất qua đo đạc thực tế 2485.2m² thuộc thửa đất số 02 cùng tờ bản đồ số 10 là di sản thừa kế của ông Đ3, bà Phạm Thị P3 để lại.

Ngoài ra, bị đơn cũng cho rằng ông Võ Văn T8 là con nuôi con ông Võ Văn Đ3 và thời hiệu khởi kiện chia thừa kế di sản của ông Đ3 để lại không còn là không có cơ sở xem xét, bởi lẽ ông T8 sinh năm 1959 trong khi ông Đ3 với bà L3 chung sống với nhau từ năm 1960 và giấy khai sinh số 352 mà UBND xã LT cấp ngày 26/10/2020 dựa vào tờ tự khai của ông T8 chứ không có căn cứ nào khác xác định. Mặt khác, ông T8 là con nuôi cũng không có lập thủ tục nhận con nuôi theo quy định và cũng không có quan hệ nuôi dưỡng nên không có cơ sở để xem xét ông T8 là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ3 và thời hiệu chia thừa kế di sản là bất động sản theo quy định Bộ luật Dân sự năm 2015 là 30 năm.

Đồng thời, việc Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 02 tờ bản đồ số 10 cho ông Đ3 vào năm 1997; ông Đ3 chết không để lại di C cho bà Út nhưng cơ quan hành chính lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị U1 vào năm 2001 (đã bị thu hồi). Sau khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thu hồi, bà Út lại tiếp tục kê khai đăng ký vào ngày 04/5/2015 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 02 tờ bản đồ số 10 vào ngày 21/12/2015 cũng không đúng với quy định pháp luật, bởi lẽ ông Đ3 chết từ tháng 12/1997 đã phát sinh thừa kế nhưng bà Út lại tự kê khai đăng ký, sau đó UBND xã A1 lại lập tờ trình cho rằng đất này được Nhà nước cấp cho bà Út là chưa xem xét việc phát sinh thừa kế và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 cấp cho ông Đ3 vẫn chưa được xử lý đúng trình tự thủ tục. Do đó, thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 phải được giải quyết theo quy định pháp luật về thừa kế.

[2.2] Bà Phạm Thị P3 chết năm 1958, ông Võ Văn Đ3 chết năm 1997 đều không để lại di C nên di sản của ông Đ3, bà P3 phải được chia theo pháp luật. Ông Đ3, bà P3 có 06 người con là: ông U, ông Võ Văn B chết năm 1988 (con là Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị

Thu B đã chết (con của Thu B là Võ Thị Hồng N)), Võ Văn B1 chết năm 1998 (hàng thừa kế thứ nhất hiện nay của ông B1 là Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L), Võ Văn B2 chết năm 1975 (con là Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1), Võ Văn Đ (Đ Em) chết năm 2006 (hàng thừa kế thứ nhất hiện nay của ông Đ Em là Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3), Võ Văn Đ (Đ Anh).

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ3 là 06 người con chung với bà P3 và 01 con chung với bà Lê Thị L3 là bà Võ Thị U1 đều được hưởng phần di sản thừa kế của diện T1ch đất 2485.2m² thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10; diện T1ch đất 1300m² thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10.

Từ những phân T1ch trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Đ3, bà P3 là phù hợp.

[2.3] Di sản của bà Phạm Thị P3 để lại là $\frac{1}{2}$ diện T1ch 2485.2m² (tài sản chung của ông Đ3, bà P3) là 1242.6m² được chia cho 7 người hàng thừa kế thứ nhất là ông Đ3, ông Út, ông Đ Em, ông Đ Anh, ông B1, ông B2, ông B mỗi người được hưởng diện T1ch 177,5m² nên phần di sản của ông Đ3 còn lại là 1242.6m² + 177,5m² = 1420m² thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 và 1300m² thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 được chia theo pháp luật cho 7 người là ông Út, ông Đ Em, ông Đ Anh, ông B1, ông B2, ông B, bà Út mỗi người được hưởng diện T1ch đất 202.87m² thửa đất số 02; 185.71m² thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10.

[2.4] Đối với thửa 02, tờ bản đồ số 10 xét thấy:

Hiện nay anh Lê Văn C đang quản lý sử dụng diện T1ch 1062.1m² (vị trí số 1 của họa đồ) và căn nhà (ký hiệu A) trên đất. Do diện T1ch bà Út được hưởng di sản của ông Đ3 để lại chỉ có 202.87m² ở thửa đất số 02 nhưng hiện nay anh C đang quản lý sử dụng diện T1ch 1062.1m² và bà Út đang quản lý toàn bộ thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ 10 nên cần chia cho bà Út hưởng diện T1ch đất 1062.1m² nhưng phải có nghĩa vụ trả lại giá trị bằng tiền cho những đồng thừa kế khác đối với diện T1ch chênh lệch là 859.23m² theo giá Hội đồng định giá định là 2.000.000đ/m², thành tiền là 1.718.460.000đ.

Đồng thời chia cho ông Út và những đồng thừa kế là các ông bà Võ Văn Đ (Đ Anh), Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Văn T, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3 được hưởng chung diện T1ch 1423.1m² (vị trí số 2, 3, 4 của họa đồ) thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10. Đối với căn nhà trên vị trí 2+3 của họa đồ mà bà Võ Thị U1 xây dựng trong giai đoạn tranh chấp tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa pH2 yêu cầu đình chỉ việc xây

dựng nhưng bà Út vẫn cố tình xây dựng. Tuy nhiên, xét thấy căn nhà M xây dựng xong giá trị sử dụng còn hơn 90% nên cần được xem xét T1nh giá trị bằng tiền và buộc ông Út và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có nghĩa vụ trả lại cho bà Út giá trị căn nhà trên đất là 1.335.030.000đ để được sở hữu căn nhà ở vị trí được hưởng và bà Út không phải tháo dỡ, di dời.

[2.5] Đối với thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 xét thấy:

Diện T1ch qua đo đạc thực tế là 6929.9m² hiện bà Út đang quản lý sử dụng; trong đó có di sản của ông Đ3 để lại là 1300m²; được chia thành 07 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng diện T1ch đất 185.71m² nên cần chia cho ông Út và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là các ông bà Võ Văn Đ (Đ Anh), Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Văn T, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3 được hưởng chung (185.71m² x 6 = 1114.26m²). Để đảm bảo thuận lợi trong quá trình canh tác sử dụng, xét thấy cần chia cho ông Út và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được hưởng chung phần đất tại vị trí 5, 6 của hoạ đồ. Tuy nhiên, diện T1ch đất qua đo đạc thực tế 1139.3m² (vị trí 5, 6) dư so với diện T1ch được hưởng là 25.04m² nên ông Út và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải có nghĩa vụ trả lại giá trị bằng tiền cho bà Út theo giá 400.000đ/m², thành tiền là 10.016.000đ (mười triệu, không trăm mười sáu ngàn đồng).

[2.6] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/5/2020 về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Đ3 để lại là 01 căn nhà, 01 tủ thờ, 01 ghế chữ c, 01 bộ ván gỗ đỏ, 02 cái giường T4, 01 hồ chứa nước; tại phiên tòa sơ thẩm, ông Kết và ông Út đều thống nhất xin rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này của các đương sự là phù hợp.

Từ những phân T1ch trên, xét thấy bà Út kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ M có giá trị chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] LỜI đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên lẽ ra bị đơn bà Võ Thị U1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, do bà Út là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị U1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2024/DS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U và yêu cầu độc lập của các ông bà Võ Văn Đ (Đ Anh), Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Văn T, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3.

Chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Võ Văn Đ3, bà Phạm Thị P3 để lại là phần đất thuộc thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 diện T1ch qua đo đạc thực tế 2485.2m²; thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 diện T1ch qua đo đạc thực tế 1139.3m² tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

1.1. Bà Võ Thị U1 được hưởng diện T1ch đất 1062.1m² (phần 1 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 16/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

Buộc bà Võ Thị U1 có nghĩa vụ trả lại cho các ông bà U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ giá trị bằng tiền đối với diện T1ch đất chênh lệch 859.23m² ở thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 là 1.718.460.000đ (một tỷ, bảy trăm mười tám triệu, B trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B điều chỉnh diện T1ch đất 1062.1m² (phần 1 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 từ hộ bà Võ Thị U1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S cho bà Võ Thị U1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.2. Các ông bà U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ được hưởng chung diện T1ch đất 1423.1m² (phần 2, 3, 4 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02

tờ bản đồ số 10 và diện tích đất 1139.3m² (phần 5, 6 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 16/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

Các ông bà U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ được quyền sở hữu 01 căn nhà hiện bà Út, anh C Em đang quản lý sử dụng nằm trên đất (vị trí số 2, 3, 4 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Út giá trị đất chênh lệch 25.04m² ở thửa 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 là 10.016.000đ (mười triệu, không trăm mười sáu ngàn đồng) và giá trị căn nhà nằm trên đất (vị trí số 2, 3, 4 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 là 1.335.030.000đ (một tỷ, ba trăm ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng); tổng cộng là 1.345.046.000đ (một tỷ, ba trăm B mươi lăm triệu, không trăm B mươi sáu ngàn đồng).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B điều chỉnh diện tích đất 1423.1m² (phần 2, 3, 4 họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ số 10 từ hộ bà Võ Thị U1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S cho các ông bà U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các ông bà U, Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 1139.3m² (phần 5, 6 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 229, 412 cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

1.3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông U và yêu cầu độc lập của các ông bà Võ Văn T, Võ Thị Thu T1, Võ Thị Mỹ T7, Võ Thị Thu N3, Võ Văn M, Võ Thị Hồng N, Võ Thanh P, Võ Thị H2, Võ Văn S, Võ Minh T5, Võ Thị Trúc L, Võ Văn H2, Võ Văn T4, Võ Thị V, Võ Văn H, Võ Thị H1, Võ Thị Bé T1, Võ Thị Bé T2, Võ Văn B, Võ Thanh T3, Võ Văn Đ (Đ Anh) về việc yêu cầu bà Võ Thị U1 phải chia thừa kế di sản của ông Võ Văn Đ3 là 01 căn nhà, 01 tủ thờ, 01 ghế chữ c, 01 bộ ván gỗ đỏ, 02 cái giường T4, 01 hồ chứa nước.

3. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá, thu thập quy trình: 20.414.000đ (hai mươi triệu, B trăm mười B ngàn đồng), mỗi suất thừa kế phải chịu chi phí là 2.916.000đ (hai triệu, chín trăm mười sáu ngàn đồng) và đều đã tạm ứng xong.

4. Về án phí sơ thẩm: Những người được hưởng di sản thừa kế có nghĩa vụ chịu án phí đối với di sản được hưởng, cụ thể như sau:

- Ông U, ông Võ Văn Đ (Đ Anh) mỗi người đều phải nộp số tiền án phí là 37.402.400đ (ba mươi bảy triệu, B trăm lẻ hai ngàn, B trăm đồng) nhưng đều thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn.

- Bà Võ Thị U1 phải nộp số tiền án phí là 20.630.000đ (hai mươi triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng) nhưng bà Út thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn.

- Bà Võ Thị Bé T1, bà Võ Thị Bé T2, ông Võ Văn B, anh Võ Thanh T3 phải liên đới nộp số tiền án phí là 37.402.400đ (ba mươi bảy triệu, B trăm lẻ hai ngàn, B trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.617.000đ (mười một triệu, sáu trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007664 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Bà T1, bà T2, ông B, anh T3 còn phải liên đới nộp tiếp số tiền là 25.785.400đ (hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, B trăm đồng).

- Ông Võ Văn H2, ông Võ Văn T4, bà Võ Thị V, ông Võ Văn H, bà Võ Thị H1 phải liên đới nộp số tiền án phí là 37.402.400đ (ba mươi bảy triệu, B trăm lẻ hai ngàn, B trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.617.000đ (mười một triệu, sáu trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007665 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Ông H2, ông T4, bà V, ông H, bà H1 còn phải liên đới nộp tiếp số tiền là 25.785.400đ (hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, B trăm đồng).

- Ông Võ Văn T, bà Võ Thị Thu T1, bà Võ Thị Mỹ T7, bà Võ Thị Thu N3, anh Võ Văn M, chị Võ Thị Hồng N phải liên đới nộp số tiền án phí là 37.402.400 đồng (ba mươi bảy triệu, B trăm lẻ hai ngàn, B trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.617.000đ (mười một triệu, sáu trăm mười

bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007666 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Ông T, bà T1, bà T7, bà N3, anh M, chị N còn phải liên đới nộp tiếp số tiền là 25.785.400đ (hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, B trăm đồng).

Ông Võ Thanh P, bà Võ Thị H2, anh Võ Văn S, chị Võ Minh T5, chị Võ Thị Trúc L phải liên đới nộp số tiền án phí là 37.402.400đ (ba mươi bảy triệu, B trăm lẻ hai ngàn, B trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.617.000đ (mười một triệu, sáu trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007667 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Ông P, bà H2, anh S, chị T5, chị L còn phải liên đới nộp tiếp số tiền là 25.785.400đ (hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, B trăm đồng).

5. Về án phí phúc thẩm: bà Võ Thị U1 được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Chánh án TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt